

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ TRONG NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM

TRẦN ĐỨC CƯỜNG*

Nước Việt Nam có lịch sử lâu đời. Một số di chỉ khảo cổ học trên các địa bàn Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ đã chỉ rõ đó là địa bàn cư trú của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam, có thể nói đặc trưng cơ bản là luôn gắn dựng nước với giữ nước.

Có lẽ người Việt Nam thuộc vào số những dân tộc yêu thích lịch sử nhất trên thế giới. Trước khi có chữ viết, nhân dân Việt Nam đã thể hiện những kiến thức, quan niệm về đất nước, con người và lịch sử của mình thông qua các câu chuyện thần thoại, cổ tích, truyền thuyết, ca dao, tục ngữ. Các câu chuyện về Lạc Long Quân và Âu Cơ, Sơn Tinh - Thủy Tinh, chuyện Thánh Gióng, chuyện Chử Đồng Tử và Tiên Dung và sau đó là các câu chuyện về chiếc nỏ thần của An Dương Vương kèm theo là câu chuyện tình diễm lệ mà ngang trái của Mỵ Châu và Trọng Thủy... thể hiện những nhận thức đơn sơ trong bước đầu của quá trình dựng nước của nhân dân Việt Nam. Đây cũng là nhận thức của những người luôn phải chống chọi với sự khắc nghiệt của thiên nhiên để dựng nước và sự cam go của cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Nhận thức ấy đi suốt hàng ngàn năm lịch sử, từ thời Nhà nước Văn

Lang đến thời nhà nước Âu Lạc cũng như thời chống Bắc thuộc trong hơn 1.000 năm của nhân dân ta chỉ kết thúc bằng cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ và độc lập với các trang sử vẻ vang được viết qua các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Khúc Thừa Dụ, Phùng Hưng và kết thúc bằng chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng vào năm 938 dưới sự chỉ huy của người anh hùng dân tộc Ngô Quyền... Thắng lợi vĩ đại ấy tạo điều kiện để Ngô Quyền lập nên triều Ngô vào năm 939. Dù đã giành được độc lập và có điều kiện để hình thành và phát triển nhưng nền sử học của đất nước cũng phải đến thời Lý (1009 - 1225) mới chính thức ra đời. Cùng với việc xây dựng, củng cố bộ máy cai trị và chăm lo phát triển kinh tế, triều Lý còn mở mang việc phát triển văn hóa, giáo dục và tổ chức thi cử. Sự vững mạnh của nhà nước độc lập thực sự tạo nên “Thời phục hưng lớn nhất của dân tộc ta” (1). Vào thời này, vào năm 1070 nhà Lý cho xây dựng Văn Miếu, mở Quốc Tử Giám làm nơi học tập cho con em tầng lớp quan lại, quý tộc. Đến năm 1075, nhà Lý mở khoa thi đầu tiên để chọn nhân tài. Dù vậy, trên lĩnh vực sử học, vào thời Lý, triều đình vẫn chưa tổ chức được một cơ quan chuyên trách mà chỉ mới có một số sử quan chuyên ghi chép các sự kiện xảy ra trong

*PGS.TS. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

triều đình và trong xã hội. Cho đến nay, chúng ta chỉ biết đến một số thông tin về việc Đỗ Thiện có viết cuốn *Sử ký* (2). Cuốn *Việt điện u linh* có nhắc đến cuốn sách này mà nội dung gồm những ghi chép về Phạm Cự Lượng, Mục Thận, Trương Hát, Cao Lỗ... Sách *Lĩnh Nam chí quái* cũng nhắc đến quyển *Sử ký* của Đỗ Thiện trong các truyện về Hai Bà Trưng, Triệu Quang Phục...

Trên nền tảng vững chắc của công cuộc dựng nước đã được xây dựng từ thời Lý, nhà Trần tiếp tục xây dựng một nhà nước Trung ương tập quyền vững mạnh về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây chính là nền tảng để quân và dân ta lập nên những chiến công hiển hách nhất trong lịch sử dân tộc: Ba lần đánh thắng quân xâm lược Mông - Nguyên vào các năm 1258, 1285 và 1288.

Những thành tựu trong xây dựng đất nước vô cùng hiển hách của “*Hào khí Đông A*” ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần và niềm tự hào của nhân dân ta. Chính tinh thần yêu nước được phát huy mạnh mẽ và có tác dụng thúc đẩy sử học phát triển. Trên tinh thần ấy, triều đình đã cho xây dựng Quốc sử Viện, là cơ quan quốc gia chuyên lo việc sưu tầm và biên soạn lịch sử. Một số nhà sử học đã được bổ nhiệm các chức quan ở Quốc sử Viện, trong đó có Lê Văn Hưu (1230-1322). Ông đã lần lượt đảm nhận các chức quan: kiểm pháp quan, Binh bộ Thượng thư, sang chức Hàn lâm Viện học sĩ kiêm Quốc sử Viện Giám tu. Bộ *Đại Việt sử ký* gồm 30 tập do Lê Văn Hưu biên soạn hoàn thành vào năm 1272, đời vua Trần Thánh Tông. Ngày nay, bộ sách này không còn nhưng phần lớn và chủ yếu về nội dung sách đã được các nhà sử học thời Lê, trước hết là Ngô Sĩ Liên cùng với Phạm Công Trứ, Vũ Quỳnh, Phan Phu Tiên, Lê Hy chép lại trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nội dung chính của *Đại Việt sử*

ký toàn thư chủ yếu gồm sự tích các triều đại và một số sự kiện của các đời vua... Một số đánh giá về các nhân vật lịch sử nổi bật cũng được các tác giả nêu lên như: ca ngợi tấm gương yêu nước của Hai Bà Trưng, công lao của Ngô Vương Quyền đã nối lại được chính thống nước Việt, phê phán Dương Tam Kha phản nghịch...

Trong quá trình phát triển của sử học Việt Nam, sự ra đời của *Đại Việt sử ký* và *Đại Việt sử ký toàn thư* được đánh giá rất cao. Có thể nói *Đại Việt sử ký* là bộ sử đầu tiên của Việt Nam và Lê Văn Hưu, tác giả của *Đại Việt sử ký* chính là người đặt nền móng cho sự hình thành của nền sử học dân tộc, xứng đáng được đời sau tôn là “*Người cha của nền sử học Việt Nam*” còn *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên và các sử gia thời Lê “thực sự là công trình khai phá, mở đường cho những bước đi tiếp theo của sử học Việt Nam trên nhiều phương diện như sử liệu, nội dung tư tưởng, phương pháp chép sử, về mục đích của sử học và cả quan niệm của người viết nữa” (3).

Dưới triều Lê sơ (1428-1527), Sử viện càng có điều kiện phát triển với những đóng góp xuất sắc của Ngô Sĩ Liên, Phan Phu Tiên. Việc có các chức như: Tu soạn, Tư sử, Đồng tu sử (4). Bên cạnh việc viết sử ký, viện còn ghi chép “*nhật lịch*” và “*thực lục*” của vương triều. Địa lý học lịch sử cũng có điều kiện phát triển với tác phẩm đầu tiên là *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi (1380-1442). Chính trong thời kỳ này, một số diễn ca lịch sử dân tộc đã ra đời như *Thiên nam ngữ lục* gồm 8.138 câu thơ lục bát, dựa vào chính sử của nhà nước phong kiến nhưng còn mang cả dấu ấn và có những cách thể hiện nhận thức của nhân dân vào lịch sử... Trong những năm tháng tiếp theo của thời nhà Lê, sử thần Ngô Thì Sĩ (1726-1780) biên soạn *Đại Việt sử ký*

tiền biên để đến năm 1789 dưới triều Tây Sơn, Ngô Thì Nhậm được giao nhiệm vụ tu chỉnh lại để cho in vào năm 1800.

Vào thế kỷ XVIII, việc viết sử còn được một số tri thức thực hiện, điển hình là Lê Quý Đôn (1728-1784), nhà bác học, nhà tư tưởng, nhà sử học đầu tiên của Việt Nam ở thế kỷ XVIII. Công trình sử học của ông đáng chú ý có *Đại Việt thông sử*, *Bắc sử Thông lục*, *Phủ biên tạp lục*. Điểm nổi bật trong các công trình của Lê Quý Đôn là ông đề cao vai trò chủ thể lịch sử của con người. Mục đích viết sử của ông là: Viết sử để làm gương cho muôn đời và sử học góp phần củng cố chế độ phong kiến. Ông cũng đề cao tư cách của người viết sử về tính trung thực cũng như chú trọng phương pháp viết sử.

Đến thế kỷ XIX, triều Nguyễn lập Quốc sử quán và tổ chức biên soạn nhiều bộ sách sử có giá trị đến ngày nay như: *Đại Nam Thực lục*, *Đại Nam nhất Thống chí*, *Đại Nam liệt truyện*, *Đại Nam hội điển sự lệ*, *Việt sử Thông giám cương mục*...

Trong cuộc đấu tranh pháp lý bảo vệ chủ quyền quốc gia, chủ quyền biển đảo của tổ quốc hiện nay, các bộ sách nêu trên có giá trị rất thiết thực về chứng lý lịch sử...

Một điều cần nêu rõ là ngày nay chúng ta còn giữ được các văn bản nhiều công trình lịch sử của dân tộc là do việc biên soạn mà các tác giả gắn liền với việc khắc gỗ và in dập các bản khắc này.

Trong thời kỳ cận đại, khi nước ta bị thực dân Pháp xâm lược và thống trị, nhiệm vụ quan trọng của toàn dân là đấu tranh giải phóng dân tộc, giành lại độc lập cho đất nước. Nhiều trí thức, văn nghệ sĩ trong đó có các nhà sử học bằng ngòi bút của mình, nêu cao lòng yêu nước của người dân qua các thời kỳ, cổ vũ họ đấu tranh chống đế quốc và phong kiến, giành độc lập và tự do. Có thể nêu lên các công trình sử học thấm đẫm tinh thần yêu nước, như *Sử*

học bị khảo, *Việt sử cương mục tiết yếu* của Đặng Xuân Bảng, các công trình của Ban Tu thư thuộc nhóm *Đông Kinh Nghĩa Thục* (gồm Lương Văn Can, Lê Đại, Nguyễn Hữu Cầu, Phan Châu Trinh, Ngô Đức Kế...): *Quốc dân độc bản*, *Nam quốc gia sử*, *Quốc văn giáo khoa*, *Luận lý giáo khoa*... Đây là những tài liệu được viết bằng chữ Hán, in bản gỗ trên giấy Bưởi lưu hành trong các học viên của Trường Đông Kinh Nghĩa Thục và quảng bá ra xã hội...

Cũng cần nêu lên những đóng góp của *Cường học Thư xã* do Trần Huy Liệu sáng lập đã giới thiệu, phát hành nhiều công trình cổ súy cho lòng yêu nước, như: *Một bầu tâm sự*, *Ngục trung ký sự*, *Câu chuyện chung* của Trần Huy Liệu, gương phục quốc (Trần Huy Liệu và Đoàn Khắc Hưng dịch).

Vào thập niên 20 của thế kỷ XX, *Quan hải tùng thư* do Đào Duy Anh sáng lập ở Huế với sự giúp đỡ của Võ Liêm Sơn, Phan Đăng Lưu, Trần Đình Nam đã tổ chức dịch và giới thiệu 13 tập sách về lịch sử nhân loại, lịch sử các học thuyết kinh tế góp phần trả lời các câu hỏi Dân tộc là gì? Xã hội là gì? Tôn giáo là gì? Thế giới cường quốc chính thể là thế nào... đã góp phần trang bị những hiểu biết cần cho bạn đọc những kiến thức sâu hơn về xã hội và khơi gợi tinh thần dân tộc. Điều mà chính Đào Duy Anh sau này viết lại là: "Lợi dụng xuất bản hợp pháp mà gieo vào tâm trí của thanh niên nước ta một ít kiến thức sơ đẳng về chủ nghĩa Mác, lẫn với một ít kiến thức mới về khoa học, nhất là khoa học xã hội, là những điều cần thiết để hiểu chủ nghĩa Mác dễ hơn..." (5).

Trong những thập niên đầu thế kỷ XX, có hai tác giả - hai nhà yêu nước và cách mạng đã sử dụng sử học như một công cụ hữu hiệu để vận động quần chúng là Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc. Nếu các sử gia phong kiến hoặc chịu ảnh hưởng của hệ

tư tưởng phong kiến có chung một quan niệm viết lịch sử là để làm gương, là nêu gương cho đời thì Phan Bội Châu coi việc noi gương anh dũng của các anh hùng dân tộc là bài học kinh nghiệm để động viên nhân dân vùng lên giải phóng đất nước. Năm 1905, khi mới sang Nhật Bản theo kế hoạch của Hội Duy Tân, Phan Bội Châu đã viết *Việt Nam vong quốc sử* nhằm tố cáo tội ác của thực dân Pháp, nêu cao những trang sử hào hùng của nhân dân Việt Nam chống Pháp xâm lược. Sau đó không lâu, năm 1909, Phan Bội Châu viết *Việt Nam quốc sử khảo* là một tác phẩm có giá trị trong công việc tuyên truyền yêu nước... Phan Bội Châu còn quan tâm đến sức mạnh của đoàn kết toàn dân:

*“Nghìn muôn ức, triệu người chung sức
Xây dựng nên cơ nghiệp nước nhà”* (6).

Có thể khẳng định Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho sự hình thành khuynh hướng sử học Macxit ở Việt Nam. Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng sử học như một công cụ để tuyên truyền cách mạng và dùng báo chí, xuất bản để vận động quần chúng. Các công trình *Bản án chế độ thực dân Pháp* (viết năm 1925), *Đường Kách mệnh* (1927), là tập hợp các bài giảng trong các lớp huấn luyện cán bộ cho Cách mạng Việt Nam. Năm 1942, trong cuộc vận động tiến tới cách mạng chống phát xít Nhật - Pháp giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc viết *Lịch sử nước ta* theo tinh thần:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam

...sử ta dạy cho ta những chuyện về
vang của tổ tiên ta...

Đời nào cũng có người anh hùng mưu
cao và giỏi đứng ra đoàn kết nhân dân đuổi
giặc cứu nước. Sử ta dạy cho ta bài học này:

lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như
một thì nước ta độc lập tự do. Trái lại, lúc
nào dân ta không đoàn kết thì bị nước
ngoài xâm lấn” (7).

Chính vì coi trọng công tác tìm tòi, nghiên cứu, biên soạn và quảng bá lịch sử, ngay sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng và Nhà nước đã rất coi trọng các hoạt động văn hóa, khoa học, trong đó có khoa học lịch sử. Tháng 1 năm 1946, Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất đã xác định những nhiệm vụ cơ bản theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Văn hóa phải hướng dẫn quốc dân thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ. Dù vậy, vẫn phải tập trung sức lực của toàn dân, toàn quân và nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc mà mãi đến năm 1953, nhà sử học Trần Huy Liệu mới báo cáo, đề xuất Trung ương Đảng Đề án lập Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa, tổ chức đầu tiên của chế độ Dân chủ Cộng hòa, nhằm tập trung nghiên cứu các vấn đề cơ bản và khoa học xã hội ở Việt Nam. Bản Đề án nêu rõ: “Muốn dựng nước và giữ nước thành công, mỗi người Việt Nam phải có lòng tự tin dân tộc, lòng tự tôn dân tộc kết hợp với lòng yêu nhân loại. Muốn có lòng tự tin, lòng tự tôn dân tộc thì trước hết phải hiểu được sự sáng tạo của dân tộc ta, của nhân dân lao động trong chiến đấu và sản xuất trải qua bao nhiêu đời nay... Học tập lịch sử dân tộc, địa lý của dân tộc, văn học của dân tộc chính là vũ khí để phát huy những tinh thần ấy” (8).

Ngày 2 tháng 12 năm 1953, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ra Quyết định số 34-QN/TW thành lập Ban Nghiên cứu Lịch sử, Địa lý, Văn học trực thuộc Trung ương Đảng.

Điều cần nhấn mạnh là cùng với sự ra đời của Ban Lịch sử, Địa lý và Văn học, Tập san *Văn Sử Địa* cũng ra đời theo kinh

nghiệm hàng nhiều trăm năm của nền sử học Việt Nam trong quá trình phát triển: Cần có cách thức quảng bá các kết quả nghiên cứu đến người dân. Tập san *Văn Sử Địa* trong trong buổi ban đầu đã thực hiện nhiệm vụ ấy. Tập san là tiếng nói chung của ngành: Lịch sử, Văn học, Địa lý.

Đến ngày 6-2-1960, khi Viện Sử học được chính thức ra đời trên cơ sở Tổ lịch sử của Ban Văn Sử Địa, Tập san *Nghiên cứu Lịch sử* cũng ra đời, là tiếng nói của giới sử học cả nước và các nhà khoa học nước ngoài nghiên cứu về lịch sử Việt Nam. Nói theo cách của GS.VS. Trần Huy Liệu, Viện trưởng và Tổng biên tập đầu tiên của Tập san: “*Đây là lỗ thở của giới sử học*”. Biết bao công trình nghiên cứu, kể cả những bài viết đầu tiên của các nhà sử học hàng đầu của Việt Nam đã công bố trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* như: Từ Đào Duy Anh đến Trần Văn Giàu, Trần Văn Giáp, Nguyễn Đồng Chi, Văn Tân, Trần Quốc

Vượng, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Đinh Xuân Lâm, Văn Tạo, Nguyễn Hồng Phong, Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Đức Nghinh... Đến tháng 4-1960, Tập san *Nghiên cứu Lịch sử* đổi thành Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*.

Đọc các bài của một số nhà nghiên cứu có uy tín thuộc thế hệ trên 40-50 tuổi trong vài thập niên gần đây, chúng ta có thể thấy được những bước tiến trưởng thành đáng ghi nhận của họ. Vì những lý do trên có thể đánh giá cao về những đóng góp của Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* đối với nền sử học Việt Nam hiện tại.

Ngày nay, với sự phát triển của nền sử học nước nhà, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* cùng với các Tạp chí chuyên ngành khác như: Tạp chí *Lịch sử Đảng*, Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, Tạp chí *Lịch sử Công an*, Tạp chí *Khảo cổ học* tiếp tục có những đóng góp xứng đáng của nền học thuật nước nhà trên tất cả các phương diện: lý luận, phương pháp, tư liệu và kết quả nghiên cứu...

CHÚ THÍCH

(1). Trần Văn Giàu, *Trong dòng chủ lưu của lịch sử Việt Nam: Tư tưởng yêu nước*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1991, tr. 58.

(2). Trần Văn Giàu, *Trong dòng chủ lưu của lịch sử Việt Nam*, sdd.

(3). Đặng Đức Thi, *Lê Văn Hưu nhà sử học đầu tiên của nước ta*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr.222.

(4). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại*

chí, tập 2, Nxb. Sử học, 1961, tr.11.

(5). Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm*, Nxb. Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr.35.

(6). *Thơ văn Phan Bội Châu*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1985, tr.81.

(7). *Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 3 (1930-1945)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.217, 221.

(8). *Trần Huy Liệu với sử học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011, tr.101.